

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HS-ST  
Ngày 07 - 6 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Việt Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Võ Sỹ Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 165/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 359/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**; tên gọi khác: Lâm Văn B; Hai B; sinh năm 1958 tại Cà Mau; nơi đăng ký thường trú: Số 173G, Đặng Văn N, phường 14, quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 61/15/5, đường số 19, phường 8, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp Bùng B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T1 và bà Quách Thị Y; vợ Lê Thị Tuyết M; tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 31/12/2019; Thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh ngày 23/4/2020. Bị cáo tại ngoại vắng mặt.

*Bị hại:* Ông Cao Văn U, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Trú tại: Số nhà 143B, Nguyễn Tất Th, phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 6 năm 2016, ông Cao Văn U nhờ ông Nguyễn Minh T2 giúp liên hệ ông Lâm Kiệt T3 công tác tại Đài truyền hình Việt Nam tại thành phố Cần Thơ phản ánh vụ việc công ty Nam T4 mua thức ăn cá của doanh nghiệp ông U chiếm đoạt hơn 04 tỷ đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau đã khởi tố điều tra nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau không phê chuẩn. Từ

đó ông T2 điện thoại cho bị cáo T là anh ruột ông T3 hỏi có giúp được ông U không, bị cáo T nói để bị cáo giúp và xin số điện thoại liên hệ ông U, kêu ông U chuẩn bị hồ sơ cho bị cáo xem. Sau đó, bị cáo T đến thành phố C điện thoại ông U hẹn gặp tại khách sạn Nam K, ông U đến và đưa cho bị cáo xem hồ sơ, nhờ bị cáo có cách nào lấy lại được số tiền trên. Lúc này bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông U nên nói dối có quen biết người ở Bộ Công an, bị cáo sẽ giúp ông U lo cho Bộ Công an xem xét lại vụ án, khởi tố bắt giam người chiếm đoạt, lấy tiền trả lại ông U với chi phí để lo vụ án này là 500.000.000 đồng, thời gian giải quyết khởi tố, bắt giam, lấy lại tiền từ 03 tháng đến 06 tháng, ông U phải đưa trước bị cáo T 50.000.000 đồng để người của Bộ công an vào Cà Mau làm việc. Bị cáo kêu ông U viết, đánh máy một số đơn mới, không đề ngày tháng để bị cáo mang đi gửi Bộ công an và gửi nhiều nơi để xem xét giải quyết nên ông U đồng ý nhờ bị cáo T giúp. Ngay sau khi thỏa thuận xong, ông U đưa bị cáo 50.000.000 đồng tại khách sạn Nam K kèm theo một số tài liệu ông U mang đến. Từ cuối tháng 6 năm 2016 đến ngày 21/02/2017 bị cáo T nhiều lần nói dối ông U, lấy lý do lo vé máy bay, đi lại, đãi nhậu người của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, gửi tiền cho người của Đài truyền hình phản ánh vụ việc của ông U để ông U đưa tiền mặt, chuyển khoản, mua rượu, tôm khô, cá khô cho bị cáo T nhiều lần thành tổng số tiền 409.550.000 đồng.

Qua quá trình điều tra xác định, thực tế bị cáo không có quen ai, không gặp ai ở Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để đưa tiền, mua rượu, gửi tôm khô, cá khô nhờ khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bắt tạm giam người của công ty Nam T4 để lấy lại tiền trả ông U, cũng như thực tế không có ai ở hai cơ quan này vào Cà Mau làm việc vụ của ông U như bị cáo nói. Đối với các đơn ông U đưa bị cáo, bị cáo chỉ gửi chuyển phát nhanh đến các cơ quan để họ phúc đáp lại cho ông U, nhằm tạo lòng tin rằng bị cáo đang lo việc cho ông U.

Tại Cáo trạng số: 159/CT-VKS ngày 07/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo và bị hại vắng mặt, tuy nhiên trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập hợp pháp đã thể hiện:

Giữa tháng 6 năm 2019, tại khách sạn Năm Kiêu, sau khi bị cáo T hứa giúp ông U, bị cáo đã nhận của ông U 50.000.000 đồng, số tiền này bị cáo nói với ông U sử dụng vào việc mua vé máy bay đi lại để nộp đơn kiện.

Ngày 01/7/2016, bị cáo nói với ông U cần tiền mua vé máy bay để cán bộ của Bộ công an từ Hà Nội vào làm việc, ông U chuyển cho bị cáo 22.500.000 đồng vào tài khoản số 64002053481 tên Phạm Ngọc V, mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Gia Định, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02/8/2016, bị cáo nói cần tiền để chi trả chi phí, ông U chuyển cho bị cáo 5.000.000 đồng vào tài khoản số 64002053481 tên Phạm Ngọc V.

Từ ngày 02/9/2016 đến ngày 17/9/2016, bị cáo nói cần tiền mua tôm khô, cá khô cho cán bộ của Bộ công an, ông U chuyển khoản và đưa trực tiếp cho bị cáo 143.500.000 đồng.

Ngày 19/11/2016, bị cáo nói có Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đưa bạn bè, gia đình vào Cà Mau du lịch, ông U đưa bị cáo 8.250.000 đồng để mua rượu, tôm khô, cá khô đãi khách.

Ngày 21/11/2016, bị cáo nói cần tiền để phục vụ việc bắt người của công ty Nam T4, ông U đưa bị cáo 10.000.000 đồng không nhớ rõ địa điểm.

Ngày 24/11/2016, bị cáo nói dẫn cán bộ đi U Minh du lịch, ông U đưa bị cáo 10.000.000 đồng nhưng không nhớ địa điểm giao tiền.

Ngày 28/11/2016, bị cáo nói cần tiền để đưa cho báo chí viết bài nên ông U đã chuyển cho bị cáo 10.000.000 đồng vào tài khoản số 64002053481 tên Phạm Ngọc V.

Ngày 30/11/2016, bị cáo nói có Đài truyền hình Cần Thơ đang xuống Cà Mau, ông U đưa bị cáo 6.000.000 đồng tại quán cà phê ngang khách sạn Nam K.

Ngày 03/12/2016, bị cáo T kêu ông U đưa bị cáo 5.000.000 đồng để bị cáo mua quà cho các cán bộ, ông U mua sẵn tôm khô, cá khô đưa cho bị cáo T với giá là 1.750.000 đồng, tổng cộng tiền mặt và tiền mua tôm khô, cá khô mà ông U đưa bị cáo T là 6.750.000 đồng, đưa tại trước khách sạn Nam K.

Ngày 05/12/2016, bị cáo nói cần chi phí đi tới lui thừa kiện, ông U đã chuyển cho bị cáo T 6.500.000 đồng vào tài khoản số 0071004808580 của bị cáo.

Ngày 13/12/2016, bị cáo yêu cầu ông U chuyển tiền cho bị cáo, ông U đã chuyển 13.000.000 đồng vào tài khoản Vietcombank tên Trần Văn T.

Ngày 16/12/2016, bị cáo tiếp tục yêu cầu ông U chuyển tiền và ông U chuyển cho bị cáo 7.000.000 đồng vào tài khoản Vietcombank tên Trần Văn T.

Ngày 19/12/2016, bị cáo yêu cầu chuyển tiền và U đã chuyển cho bị cáo 3.000.000 đồng vào tài khoản của Vietcombank tên Trần Văn T.

Ngày 21/12/2016, ông U chuyển thêm 6.000.000 đồng vào tài khoản Vietcombank tên Trần Văn T.

Ngày 24/12/2016, bị cáo nói con bị cáo bệnh đang nằm cấp cứu nên mượn ông U 10.000.000 đồng, ông U đã chuyển cho bị cáo vào tài khoản số 14022796606017 tên Trần Văn T mở tại ngân hàng Techcombank.

Ngày 27/12/2016, ông U chuyển cho bị cáo 2.000.000 đồng vào tài khoản tên Trần Văn T mở tại ngân hàng Techcombank theo yêu cầu của bị cáo T.

Ngày 30/12/2016, ông U chuyển cho bị cáo 6.000.000 đồng vào tài khoản số 64002053481.

Ngày 06/01/2017, bị cáo yêu cầu ông U mua khô để tặng cho cán bộ, ông U đã đưa bị cáo 03kg tôm khô nhưng bị cáo không nhớ tại đâu, thành tiền là 4.050.000 đồng.

Ngày 07/01/2017, theo yêu cầu của bị cáo T, ông U đưa cho bị cáo T 2.000.000 đồng, đưa trực tiếp không nhớ rõ địa điểm.

Khoảng giữa tháng 01/2017, bị cáo T nói không có tiền nên ông U đã đưa cho bị cáo T 10.000.000 đồng tại quán cà phê gần khách sạn tỉnh ủy Cà Mau.

Ngày 15/01/2017, bị cáo yêu cầu ông U mua khô để tặng cán bộ, ông U đã mua khô gửi cho bị cáo, gồm 02kg tôm khô và 02kg cá khô, thành tiền là 1.760.000 đồng.

Ngày 21/01/2017 theo yêu cầu của bị cáo, ông U đưa cho bị cáo 2.000.000 đồng tại quán cà phê ngang khách sạn Nam K.

Ngày 02/02/2017, theo yêu cầu của bị cáo, ông U chuyển khoản cho bị cáo T 3.240.000 đồng vào tài khoản số 0071004808580 của bị cáo.

Ngày 21/02/2017, theo yêu cầu của bị cáo T, ông U chuyển khoản cho bị cáo 4.000.000 đồng vào tài khoản số 0071004808580 của bị cáo.

Tại các đoạn ghi âm lúc 08 giờ 57 phút ngày 26/01/2017; lúc 14 giờ 53 phút ngày 02/02/2017; lúc 07 giờ 38 phút ngày 15/02/2017; lúc 14 giờ 47 phút ngày 27/3/2017; lúc 11 giờ 47 phút ngày 06/4/2017; lúc 17 giờ 56 phút ngày 07/4/2017; lúc 10 giờ 22 phút ngày 23/5/2017 thể hiện nội dung: Bị cáo T nói với ông U rằng bị cáo liên hệ với các cán bộ ở Bộ Công an, Viện kiểm sát tối cao để khởi tố, bắt giam người của công ty Nam T4.

Tại biên bản hỏi cung (BL số 123 đến 134), biên bản ghi lời khai (BL 135 đến 159) đều thể hiện bị cáo T thừa nhận bản thân không quen biết với cán bộ của Bộ công an, không quan biết cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, không quen biết các cơ quan tiến hành tố tụng, cũng không gặp ai để lo giúp ông U việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với người của công ty Nam T4. Mọi sự việc diễn ra đều do bị cáo nói dối ông U để tin tưởng, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền và tài sản của ông U để sử dụng, tiêu xài cá nhân. Tại biên bản kiểm tra đoạn ghi âm do ông U cung cấp (BL 196 đến 199), bị cáo T hoàn toàn thừa nhận giọng nói các đoạn ghi âm là của bị cáo, nội dung ghi âm thể hiện các cuộc nói chuyện giữa bị cáo với ông U xoay quanh việc bị cáo nói dối với ông U để ông U tin bị cáo đang lo việc cho ông U để ông U tin tưởng đưa tiền. Đồng thời tại các biên bản trên bị cáo cũng thừa nhận các lần nhận tiền, nhận khô, địa điểm giao nhận đúng như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Tổng số gồm tiền mặt, chuyển khoản, mua tôm khô, cá khô bị cáo thừa nhận đã nhận của ông U quy thành tiền là

409.550.000 đồng, trong đó ông U thừa nhận có cho bị cáo 8.550.000 đồng, như vậy số tiền còn lại bị cáo chiếm đoạt của ông U là 401.000.000 đồng, số tiền này bị cáo khai nhận đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

[3] Từ những tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định vào khoảng giữa tháng 6 năm 2016 đến ngày 21/02/2017, bị cáo Trần Văn T đã thực hiện thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của ông U 401.000.000 đồng nhằm mục đích sử dụng, tiêu xài cá nhân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông U được pháp luật bảo vệ, là vi phạm pháp luật, phải bị pháp luật xử lý nghiêm khắc. Thế nhưng chỉ vì xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu về tài sản của ông U nên bị cáo đã bất chấp, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước thời điểm Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực pháp luật, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ctruy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bởi lẽ trong khoảng thời gian dài, từ giữa tháng 6 năm 2016 đến ngày 21/02/2017, bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt của ông U 401.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông U, mà hành vi đó còn gây hoang mang, bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Sau khi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn nhằm trốn tránh trách nhiệm. Với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả do bị cáo gây ra, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, chưa có tiền sự; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hình sự bị cáo phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T (tên gọi khác: Lâm Văn B, Hai B) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 23/4/2020.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Bị cáo, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Công an Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Việt Trung**